

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2019

V/v: Ly hôn giữa Chị Q, anh S.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Khánh Hòa
2. Ông Nguyễn Văn Thực

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu Th, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu Th, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: 1XX, Tr, phường Ph, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

(Chị Q, anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị Quyên trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với Anh Phạm Ngọc S do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào tháng 02-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 5-2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, không thống nhất được với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng không khắc phục được đã sống ly thân từ năm

2016 đến nay. Nay Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S.

Về nuôi con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 08-11-2009 và Phạm Minh H, sinh ngày 11-12-2011. Chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi cháu H, để anh S nuôi cháu T, chị và anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị và anh S không có tài sản chung.

Tại đơn đề nghị xét xử ly hôn vắng mặt, bị đơn Anh Phạm Ngọc S trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với Chị Bùi Thị Q do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào tháng 02-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và Chị Q ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và Chị Q có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 08-11-2009 và Phạm Minh H, sinh ngày 11-12-2011. Anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi cháu H, anh S nuôi cháu T, anh và Chị Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi.

Về chia tài sản: Anh S và Chị Q không có tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Bùi Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với Anh Phạm Ngọc S. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Hiện nay, anh S đang cư trú tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, anh S có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Chị Q, anh S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và đều có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Chị Q, anh S đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Q kết hôn với Anh Phạm Ngọc S do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào tháng 02-2009. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, hay cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Chị Q, anh S sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho Chị Q, anh S ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh S và Chị Q có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 08-11-2009 và Phạm Minh H, sinh ngày 11-12-2011. Cháu T có nguyện vọng ở với anh S, cháu H có nguyện vọng ở với Chị Q. Anh S và Chị Q cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị Q trực tiếp nuôi cháu H, anh S trực tiếp nuôi cháu T, Chị Q, anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Chị Q và anh S không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Chị Bùi Thị Q và Anh Phạm Ngọc S.
2. Về nuôi con chung: Giao cho Anh Phạm Ngọc S trực tiếp nuôi cháu Phạm Minh T, sinh ngày 08-11-2009, Chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi cháu Phạm Minh H, sinh ngày 11-12-2011. Anh S, Chị Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Q, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ Chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005670 ngày 15-7-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà (Chị Q đã nộp đủ).

3. Chị Q, anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác